

Bản án số: 123/2017/HSST

Ngày: 28-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Trúc Linh

Cán bộ tỉnh Đoàn An Giang

2. Ông Trần Hùng Bích

Cán bộ hưu trí phường M – thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 119/2017/HSST ngày 24/11/2017 đối với bị cáo:

Tôn Tấn T, sinh ngày 02/02/2000 tại huyện C, tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; Hiện bị cáo không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: kinh; con ông Tôn Tấn Đ và bà Nguyễn Tuyết K(chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: không; bị bắt tạm giam ngày 19/10/2017 đến nay và bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Em Huỳnh Phạm Hiếu T, sinh ngày 24/11/2001. Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: số 73/4B, Bùi Văn Danh, khóm Đông An 1, phường Mỹ Xuyên, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Huỳnh Văn N. Địa chỉ: ấp B, xã X, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Võ Thị O, sinh năm 1951. Nơi cư trú: ấp M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người bào chữa: Ông Lương Minh H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 15/11/2016, Tôn Tấn T thấy em Huỳnh Phạm Hiếu T và em Trịnh Phan Đức T đến công viên 8/3 – phường M, thành phố L ngồi chơi và trên đùi phải của T có để 01 điện thoại di động hiệu Wiko đang mở nhạc thối sáo nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Tiếp đó, T và người bạn tên N (không rõ họ, địa chỉ) đến chỗ T ngồi để hỏi giờ, khi được T báo giờ thì T, N đến ghế đá gần đó ngồi. Khoảng 05 phút sau, T đến chỗ anh T và dùng tay trái giật chiếc điện thoại chạy ra đường Trần Hưng Đạo hướng về huyện Châu Thành, anh T liền truy hô thì được các anh Trần Văn N Lê Tấn P, Châu Quang K đuổi theo bắt giữ T giao cho Công an phường M lập biên bản. Sau đó, T bỏ trốn đến ngày 19/10/2017 bị bắt giữ theo quyết định truy nã của Công an thành phố L.

Kết luận giám định, định giá tài sản số 91/KL.HĐ ngày 15/11/2016 của Hội định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố L, xác định: Điện thoại di động, nhãn hiệu Wiko, model Rainbow Lite, đã qua sử dụng, trị giá 1.164.000đ.

Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 56/C54B ngày 22/12/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh xác định: tại thời điểm giám định (tháng 12/2016), Tôn Tấn T có độ tuổi từ 16 năm 06 tháng đến 17 năm.

Cáo trạng số: 119/VKS-HS ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Long Xuyên, truy tố Tôn Tấn T về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 điều 136 Bộ luật hình sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 33 Bộ luật hình sự được sửa đổi, bổ sung năm 2009, đề nghị xử phạt bị cáo Tôn Tấn T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét đến.

* Người bào chữa cho bị cáo T thống nhất với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Về hoàn cảnh của bị cáo, mẹ chết sớm, cha bỏ đi, bị cáo phải sống lang thang nên thiếu vắng sự dạy dỗ, giáo dục của người thân trong gia đình. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa thành niên, do xu hướng xúi giục, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế và chưa tiền án, tiền sự. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60; Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục.

Bị cáo Tôn Tấn T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, về tội danh. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội vừa qua. Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không tranh luận bổ sung thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy phần tranh luận của Trợ giúp viên pháp lý phù hợp quan điểm Viện kiểm sát nên không tranh luận. Tuy nhiên, Trợ giúp viên pháp lý đề nghị áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 46, cho rằng bị cáo “phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt không lớn” để hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 47 và đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là không có cơ sở, tuy tài sản có giá trị không lớn nhưng người bị hại là học sinh, chưa lao động tạo ra thu nhập, với số tiền để mua được chiếc điện thoại nêu trên thì bị hại không thể tự mình mua sắm được, phải có sự hỗ trợ của gia đình. Đối với điều kiện để hưởng án treo, bị cáo phải có nơi cư trú rõ ràng nhưng trong quá trình điều tra, bị cáo không có nơi cư trú nhất định nên đề nghị này là không phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát, Trợ giúp viên pháp lý nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo là người chưa thành niên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo được Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh An Giang bào chữa, bảo vệ là bảo đảm nguyên tắc xét xử người chưa thành niên phạm tội qui định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12/7/2011 hướng dẫn thi hành một số qui định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên.

Người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, bị cáo vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị hại đã nhận lại được tài sản và những người nêu trên được cơ quan Công an tiến hành lấy lời khai nên việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại bản kết luận giám định, định giá tài sản số 91/KL.HĐ ngày 15/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố L xác định hiện trạng điện thoại di động Wiko có “sim, thẻ nhớ 16Gb” nhưng trong bản kết luận phần tài sản này không được định giá để xác định giá trị. Tại điểm i khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010 qui định: Chứng cứ để chứng minh “tính chất và mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra” là chứng cứ để đánh giá tính chất, hậu quả (vật chất, phi vật chất) của hành vi phạm tội trong việc xác định tội phạm và quyết định hình phạt. Tuy nhiên xét thấy, người bị hại đã nhận tài sản nên Hội đồng xét xử xem xét không cần thiết phải trả hồ sơ điều tra bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27/8/2010.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

Ngày 15/11/2016, bị cáo Tôn Tấn T đã thực hiện hành vi công khai, nhanh chóng chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Wiko của anh Huỳnh Phạm Hiếu T, trị giá 1.164.000đ. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với kết luận định giá tài sản số 91/KL.HĐ ngày 15/11/2016, biên bản nhận dạng bị cáo ngày 02/4/2017 và biên bản dựng lại hiện trường ngày 19/10/2017 cùng các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra vụ án.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố bị cáo Tôn Tấn T theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm tù là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Như vậy, đã có đủ căn cứ và cơ sở để xác định hành vi của bị cáo Tôn Tấn T đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đối với người tên N, bị cáo khai N đã xúi giục bị cáo giật điện thoại của bị hại. Tuy nhiên, ngoài lời khai của bị cáo không có chứng cứ nào khác cũng như không xác định được họ, địa chỉ nơi cư trú của N nên Cơ quan điều tra làm rõ, xử lý sau.

[2] Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi thực hiện hành vi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay bị cáo là người chưa thành niên nhưng bị cáo khoẻ mạnh, nhận thức được hành vi của bản thân. Lẽ ra ở độ tuổi này, bị cáo còn ngồi trên ghế nhà trường, được học hành và được thương yêu nhưng bị cáo lại có hoàn cảnh khó khăn, mẹ mất sớm, cha bỏ mặt không quan tâm thì bị cáo phải cố gắng vượt qua khó khăn, tìm công việc phù hợp với lứa tuổi để tạo ra thu nhập, nuôi sống bản thân và sống có ích cho xã hội. Ngược lại, bị cáo thích có tiền tiêu xài mà không phải lao động cực nhọc và nhận thức được hành vi cướp giật tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện bằng thủ đoạn lợi dụng sở hữ của người bị hại để nhanh chóng chiếm đoạt tài sản, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại công viên ngay giữa ban ngày, nơi có đông người qua lại, điều này thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật. Do đó, cần xử phạt nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tôn trọng pháp luật, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Trợ giúp viên pháp lý đề nghị áp dụng điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo chưa thành niên nên nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo khiếm khuyết gia đình và môi trường giáo dục uốn nắn, dạy dỗ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Tôn Tấn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự;

Điều 99; Điều 191; Điều 199 Bộ luật tố tụng hình sự;

Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐTBXH ngày 12/7/2011 hướng dẫn thi hành một số qui định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Xử phạt: **Bị cáo Tôn Tấn T** **01 (một) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2017.

[2] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;
- NCQL và NVLQ;
- THA TPLX;
- Nhà Tạm Giữ CA.TPLX;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

Nguyễn Quốc Nam

